| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thân Trọng Khôi
*Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Ngô Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST-DS ngày 26/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn***: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

***- Bị đơn***: Anh Trần Thành Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày***: Chị kết hôn với anh Trần Thành Đ ngày 22/7/2005, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chưa có thời gian nào hòa thuận hạnh phúc. Tháng 6/2022 chị đưa các con bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị thiết tha xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Anh T, sinh ngày 31/12/2006, Trần Thị Ánh N, sinh ngày 31/8/2008 và Trần Đức A, sinh ngày 10/12/2015. hiện con đang ở cùng chị, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị xin được nuôi hai con chung là cháu N và cháu Đức A, còn để anh Đô nuôi cháu T, không

đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang bán hàng và chăn nuôi, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì vướng mắc, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Thành Đ trình bày***: Chị N trình bày về thời gian kết hôn và đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, sinh hoạt và làm ăn kinh tế. Tháng 6/2022, khi đó anh không có nhà, chị N đưa cả ba con về nhà mẹ đẻ chị N ở. Nay chị N xin ly hôn quan điểm của anh là các con còn nhỏ cần có bố mẹ, nên anh không đồng ý ly hôn; nhưng nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý, vì giữ người ở chứ không giữ được người đi.

Về con chung: Như chị N trình bày là đúng, nay ly hôn anh xin được nuôi hai con chung là cháu T và cháu Đức A, còn để chị N nuôi cháu N, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm ở Công ty thuốc thú y, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì vướng mắc, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị N vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, các đương sự trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử cho chị N được ly hôn anh Đ; Về con chung: Xử giao chị N nuôi hai con chung là Trần Thị Ánh N, sinh ngày 31/8/2008 và Trần Đức A, sinh ngày 10/12/2015; giao anh Đô nuôi con chung là Trần Anh T, sinh ngày 31/12/2006. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Cả chị N và anh Đ đều không đề nghị giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ngô Thị N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Thành Đ, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị N xin được ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, đề nghị xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp

dưỡng nuôi con và tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N kết hôn với anh Trần Thành Đ ngày 22/7/2005, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không bảo được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2022. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị N thiết tha xin được ly hôn, phía anh Đ nguyện vọng không muốn ly hôn, nhưng nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh Đ. Xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị N và anh Đ sinh được ba con chung là Trần Anh T, sinh ngày 31/12/2006, Trần Thị Ánh N, sinh ngày 31/8/2008 và Trần Đức A, sinh ngày 10/12/2015, hiện các cháu đang ở cùng chị N, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn các bên không tự thỏa thuận được về việc nuôi con, nguyện vọng của cháu T muốn ở với bố; nguyện vọng của hai cháu N và cháu Đức A muốn ở với mẹ. HĐXX xét thấy các bên có điều kiện nuôi con như nhau, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc nuôi dưỡng các con được tốt, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần giao chị N nuôi hai con chung là cháu N và cháu Đức A, giao anh Đ nuôi cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, cả chị N và anh Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, xét là phù hợp Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả chị N và anh Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có sảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 238; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Trần Thành Đ.

2/ Về con chung: Xử giao chị Ngô Thị N nuôi hai con chung là Trần Thị Ánh N, sinh ngày 31/8/2008 và Trần Đức A, sinh ngày 10/12/2015; giao anh Trần Thành Đ nuôi con chung là Trần Anh T, sinh ngày 31/12/2006; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; anh Đ, chị N được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh Đ, chị N thực hiện quyền này.

3/ Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013058 ngày 05/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt án vắng mặt.

Án xử sơ thẩm công khai./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã Y, Lạng Giang, Bắc Giang
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Thân Trọng Khôi**